Nội dung bài viết

1. Soạn Unit 12 Từ vựng lớp 7 Global Success

Soạn Unit 12 Từ vựng lớp 7 Global Success

Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
Amazement	n	/əˈmeɪzmənt/	Sự ngạc nhiên, kinh ngạc (một cách thích thú)
Amazing	adj	/əˈmeɪzɪŋ/	Ngạc nhiên (một cách thích thú)
Ancient	adj	/ˈeɪnʃənt/	Cổ, lâu đời
Australia	n	/ɒˈstreɪliə/	Nước Úc
Canada	n	/ˈkænədə/	Nước Ca-na-đa
Capital	n	/ˈkæpɪtl/	Thủ đô
Castle	n	/ˈkɑːsl/	Pháo đài
Coastline	n	/ˈkəʊstlaɪn/	Đường bờ biển
Culture	n	/ˈkʌltʃə(r)/	N`ền văn hoá
Historic	adj	/hɪˈstɒrɪk/	Thuộc v`ề lịch sử
Island country	n	/ˈaɪlənd ˈkʌntri/	Đảo quốc
Kilt	n	/kɪlt/	Váy truy`ền thống của đàn ông Xcốt-len
Landscape	n	/ˈlændskeɪp/	Phong cảnh
local	adj	/ˈləʊkl/	Thuộc v`ề địa phương
Native	adj	/ˈneɪtɪv/	(cái gì, con gì) nguyên thuỷ
New Zealand		/ˌnjuː ˈziːlənd/	Nước Niu-di-lân
Penguin	n	/ˈpeŋgwɪn/	Chim cánh cụt
Shining	adj	/ʃaɪnɪŋ/	Chói chang chan hoà ánh nắng
Sunset	n	/ˈsʌnset/	Mặt trời lặn
Tattoo	n	/təˈtuː/	Hình xăm
(The) UK		/ˌjuː ˈkeɪ/	Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
(The) USA		/ˌjuː es ˈeɪ/	Hợp chủng quốc Hoa Kì
Tower	n	/ˈtaʊə(r)/	Tháp